

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN BÌNH THẠNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 1775/2020/LĐ-ST

Ngày: 28/10/2020

V/v “Tranh chấp Bảo hiểm xã hội và  
các chế độ thôi việc”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THẠNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Thái Thị Mỹ Hạnh

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Bà Nguyễn Kim Yến

2. Bà Nguyễn Thanh Phước

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Đoàn Quốc Dũng là thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh tham gia phiên tòa:***  
Bà Dương Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 10 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 0173/2017/TLST-LĐ ngày 08 tháng 02 năm 2017 về “Tranh chấp Bảo hiểm xã hội và các chế độ thôi việc” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 308 /2020/QĐXXST-LĐ ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 241/2020/QĐST-LĐ ngày 30/9/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà T.

*Địa chỉ:* X, đường Hồ Biểu Chánh, Phường 11, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Ông B, địa chỉ thường trú:* Y, đường Thanh Lộc 31, phường Thanh Lộc, Quận 12, Thành phố, địa chỉ làm việc: Z, đường Hồ Hảo Hớn, Phường Cô Giang, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh - là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền công chứng số 032827, quyển số 12 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/12/2016 tại Văn phòng Công chứng Sài Gòn (có mặt).

*Bị đơn:* Công ty C.

*Địa chỉ trụ sở:* K, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận B Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Đại diện theo pháp luật:* Ông H - Tổng Giám đốc.

*Địa chỉ thường trú:* YY, Chung cư 328 (số 225 cũ) Đường Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 01, Thành phố Hồ Chí Minh.

*Địa chỉ tạm trú:* Căn hộ L, Chung cư Sunrise City Central, số 25 đường Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố 5, phường Tân H, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Địa chỉ trụ sở: 117C đường Nguyễn Đình Chính, Phường 15, quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.*

*Bà A, địa chỉ: 10/2 đường Lý Tự Trọng, phường Lộc Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 21/GUQ-BHXXH ngày 10/9/2020) (thay thế cho Giấy ủy quyền trước đây số 04/UQ-BHXXH ngày 07/5/2018 ủy quyền cho bà H tham gia tố tụng) (Bà A có đơn ngày 30/9/2020 xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng).*

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***\* Trong đơn khởi kiện ngày 10/01/2017 của nguyên đơn, bản khai và các Biên bản lập tại Tòa án của ông B - người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 08/8/2016, bị đơn Công ty C do ông H - tổng giám đốc (là người đại diện theo pháp luật) đã ban hành Quyết định số 22/QĐ/Tra/TC-HC về việc chấm dứt Hợp đồng lao động với nguyên đơn bà T kể từ ngày 08/8/2016 theo đề nghị chấm dứt Hợp đồng lao động ngày 30/6/2016 của bà T (chức vụ của bà T trước khi nghỉ việc là Phó tổng giám đốc Công ty).

Theo nội dung của Quyết định số 22, nguyên đơn được hưởng tiền trợ cấp thôi việc từ tháng 4/1997 đến tháng 12/2008 được tính tròn là 12 năm, mức lương hàng tháng của nguyên đơn được hưởng trước khi nghỉ việc là 11.200.000đồng/tháng nên tiền trợ cấp thôi việc là 11.200.000 đồng x 12 tháng :  $\frac{1}{2}$  = 67.200.000 đồng.

Sau đó phía bị đơn không thanh toán số tiền 67.200.000 đồng, không chốt Sổ và trả Sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Nguyên đơn đã ba lần gửi đơn yêu cầu bị đơn thanh toán chế độ cho người lao động, chốt sổ BHXH vào các ngày 25/8/2016, ngày 19/9/2016, ngày 19/10/2016 để nguyên đơn được hưởng Bảo hiểm thất nghiệp theo quy định. Phía bị đơn đã ký nhận đơn nhưng vẫn không thực hiện nên nguyên đơn khởi kiện bị đơn và yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

1/. Buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn Sổ Bảo hiểm xã hội đã được chốt thời gian tham gia bảo hiểm xã hội;

2/. Buộc bị đơn trả cho nguyên đơn tiền trợ cấp thôi việc là 67.200.000 đồng.

3/. Trả tiền lãi nợ chậm trả: Thời gian từ ngày chấm dứt Hợp đồng lao động từ ngày 08/8/2016 đến ngày 08/01/2017 là 5 tháng được tính: 67.200.000 đồng x 0,75%/tháng x 5 tháng = 2.520.000 đồng.

4/. Bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp với số tiền là 47.040.000 đồng được tính: 11.200.000 đồng x 60% = 6.720.000 đồng; Thời gian hưởng trợ cấp được tính là tổng thời gian nguyên đơn đã đóng Bảo hiểm thất nghiệp là 91 tháng (là 7 năm 07 tháng) (từ tháng 01/2009 đến hết tháng 7/2016). Do đó số tháng hưởng Bảo hiểm thất nghiệp là 07 tháng: 6.720.000 đồng x 07 tháng = 47.040.000 đồng;

5/. Bồi thường các chế độ khác như:

- Hỗ trợ học nghề: 1.000.000 đồng x 06 tháng = 6.000.000 đồng;

- Bảo hiểm y tế: Mức đóng hàng tháng là 6% mức lương cơ sở là: 11.210.000 đồng x 6% x 07 tháng = 508.200 đồng.

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là: 67.200.000 đồng + 2.520.000 đồng + 47.040.000 đồng + 6.000.000 đồng + 508.000 đồng = 123.268.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa, bị đơn đã trả hết cho nguyên đơn số tiền trợ cấp thôi việc 67.200.000 vào các ngày 25/01/2017 trả 15.000.000 đồng; Ngày 05/4/2017 trả 52.200.000 đồng.

Đến ngày 05/5/2017 bị đơn có mời nguyên đơn lên trụ sở Công ty bị đơn để nhận sổ Bảo hiểm xã hội.

Sau khi nhận được Sổ Bảo hiểm xã hội, nguyên đơn có đến Trung tâm Dịch vụ Việc làm (Sở Lao động Thương Binh Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh) để đăng ký hưởng trợ cấp thất nghiệp nhưng cán bộ trả lời miệng: “Theo quy định của pháp luật thì thời hạn đăng ký hưởng Bảo hiểm thất nghiệp là 03 tháng kể từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc chứ không phải là kể từ ngày được người sử dụng lao động trả Sổ Bảo hiểm xã hội. Việc bị đơn chậm trả Sổ Bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn so với thời hạn quy định thì bị đơn phải chịu trách nhiệm. Do đó nguyên đơn không thể hoàn tất thủ tục để được trợ cấp thất nghiệp theo quy định.

**- Vào ngày 16/4/2018 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau**

+ Các yêu cầu xin rút được xác định từ yêu cầu 1, 2, 5 như trên đã trình bày ở trên.

+ Nguyên đơn xác định lại các yêu cầu khởi kiện như sau:

1/. Buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của trợ cấp thôi việc như sau:

Thời gian từ ngày chấm dứt Hợp đồng lao động ngày 08/8/2016 đến 08/03/2017 là 07 tháng: 52.200.000đồng x 0,75%/tháng x 7 tháng = 2.740.000 đồng;

Thời gian từ ngày 08/8/2016 đến ngày 08/01/2017 là 05 tháng: 15.000.000 đồng x 0.75%/tháng x 05 tháng= 562.000 đồng.

Tổng cộng: 3.302.000 đồng.

2/. Bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 47.040.000 đồng.

**- Đến ngày 09/8/2019 nguyên đơn có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và xác định lại yêu cầu khởi kiện như sau:**

+ Các yêu cầu xin rút được xác định từ yêu cầu 1, 2, 5 như trên đã trình bày.

+ Nguyên đơn xác định lại các yêu cầu khởi kiện như sau:

- Buộc bị đơn phải trả tiền lãi nợ chậm trả của tiền trợ cấp thôi việc (được tính là 10%/năm, căn cứ theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015) như sau:

Thời gian từ ngày chấm dứt hợp đồng lao động vào ngày 08/8/2016 đến ngày 25/01/2017 là 170 ngày được tính như sau: 67.200.000 đồng x 10% /365 ngày x 170 ngày = 3.129.863 đồng.

Từ ngày 26/01/2017 đến ngày 05/4/2017 là 70 ngày được tính như sau: 52.200.000 đồng x 10%/365 ngày x 70 ngày = 1.001.095 đồng.

Tổng cộng: 4.130.958 đồng.

- Bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 47.040.000 đồng.

**Tại phiên tòa hôm nay ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định:**

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên 02 yêu cầu khởi kiện như trên và bổ sung thêm yêu cầu buộc bị đơn bồi thường tiền hỗ trợ học nghề: 1.000.000 đồng x 06 tháng = 6.000.000 đồng như đơn khởi kiện ban đầu vì do bị đơn có lỗi trong việc chậm chót sổ và trả Sổ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, nếu bị đơn chót và trả Sổ đúng cho nguyên đơn theo đúng quy định thì trong thời gian chờ xin việc làm mới, nguyên đơn có thể học nghề và hưởng tiền hỗ trợ học nghề theo quy định tại Điều 56, Điều 57 Luật Việc làm năm 2013 và theo Điều 3 Quyết định số 77/2014-QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng chính phủ.

Ông B xác định thực tế nguyên đơn không có đi học nghề trong thời gian thất nghiệp. Nguyên đơn đã làm việc lại từ tháng 8/2017 cho đến nay tại Công ty TNHH Quang H và đã cung cấp Sổ BHXH này cho Tòa án. Các yêu cầu nêu trên của nguyên đơn là chính đáng, nguyên đơn bị thiệt hại rất nhiều trong lúc thất nghiệp, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với tổng số tiền là 57.170.958 đồng (trong đó có 4.130.958 đồng (tiền lãi chậm trả) + 47.040.000 đồng (tiền bồi thường trợ cấp thất nghiệp) + 6.000.000 đồng (tiền bồi thường hỗ trợ học nghề), trả một lần ngay sau bản án có hiệu lực pháp luật.

**+ Bị đơn Công ty Cổ phần C - do ông H (tổng giám đốc) là người đại diện theo pháp luật của bị đơn:** Ông H vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và cũng không có ý kiến phản hồi về việc nguyên đơn khởi kiện và các yêu cầu xin rút và xác định lại yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn.

**+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh (viết tắt BHXH TPHCM) - do bà H đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 04/UQ-BHXH ngày 07/5/2018, bà H đã có bản khai tại Tòa và có đơn ngày 10/5/2018 xin vắng mặt tại các phiên họp công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án), bà H trình bày:**

“Bà T (sinh ngày 20/6/1973) (Số sổ BHXH 029.637.2472) tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN tại Công ty cổ phần C từ tháng 4/1997 đến tháng 7/2016. Ngày 11/8/2016 đơn vị nộp hồ sơ số 367.8822 báo giảm nghỉ việc cho bà T từ tháng 8/2016. Đến ngày 05/01/2017 Đơn vị gửi công văn số 01/CV/Tra/TCHC xin đóng trước BHXH, BHYT, BHTN để gia hạn thẻ BHYT và chót sổ cho người lao động nghỉ việc trong đó có bà T. Ngày 12/01/2017 Cơ quan BHXH có gửi công văn số 99/BHXH-QLT trả lời đồng ý cho Đơn vị đóng trước khoản tiền 567.352.476 đồng để cấp Thẻ BHYT và chót sổ cho 11 người lao động. Ngày 27/3/2017 Đơn vị có ủy nhiệm chi số 890 trích nộp 893.780.554 đồng vào tài khoản của Cơ quan BHXH. Sau đó nộp hồ sơ của bà T lên BHXH TPHCM để chót quá trình. Ngày 07/4/2017 BHXH TPHCM đã chót Sổ và in tờ rơi quá trình đến tháng 7/2016. Tổng thời gian đóng BHXH đến tháng 7/2016 của bà T là 19 năm 09 tháng, trong đó BHTN là 07 năm 07 tháng. Trường hợp bà T nghỉ việc từ tháng 8/2016 nhưng đến tháng 3/2017 Đơn vị mới nộp tiền trước cho bà T để BHXH TPHCM có cơ sở xác nhận quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà T đến tháng 7/2016, vì vậy bà T sẽ không được hưởng chế độ BHTN theo quy định tại Điều 46 của Luật việc làm số 38/2013/QH13. Theo Điều 18 Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 thì thời gian đóng BHTN tương ứng với số tiền trợ cấp thất nghiệp mà người lao động không đến nhận được bảo lưu làm căn cứ để tính thời gian hưởng trợ cấp thất nghiệp cho lần hưởng trợ cấp thất nghiệp tiếp theo khi đủ điều kiện hưởng trợ cấp theo quy định. Theo quy định của pháp luật nêu trên thì bà T

sẽ được bảo lưu 07 năm 07 tháng đóng BHTN tại Công ty Cổ phần C. Khi bà T đi làm việc tại Đơn vị mới và đóng BHXH, BHYT, BHTN từ đủ 12 tháng trong vòng 24 tháng, nếu bà T nghỉ việc tại Đơn vị mới thì Cơ quan BHXH sẽ trả BHTN theo quy định”.

Đến ngày 10/9/2020 BHXH TPHCM ủy quyền lại cho bà A là người đại diện theo ủy quyền của BHXH TPHCM (Giấy ủy quyền số 21/GUQ-BHXH ngày 10/9/2020 để thay thế cho bà H). Bà A vẫn giữ nguyên ý kiến trước đây của BHXH TPHCM, bà A có đơn ngày 30/9/2020 xin vắng mặt suốt quá trình tố tụng.

**\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật như sau:**

Thông qua Bài phát biểu số 220/PB-VKS-LĐ ngày 28/10/2020 của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B Thạnh như sau:

1/. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ kiện và tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Tuy nhiên có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ, quyền và lợi ích hợp pháp được đảm bảo.

2/. Về pháp luật nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa.

Căn cứ vào Khoản 3 Điều 36 Bộ luật Lao động năm 2012; Khoản 1, Khoản 2 Điều 50, Điều 56 Luật việc làm 2013; Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 8 Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP ngày 24/10/2018; Điều 3 Quyết định 77/2014/QĐ-TTg. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của nguyên đơn về bồi thường trợ cấp thất nghiệp và yêu cầu trả tiền lãi nợ chậm trả của trợ cấp thôi việc. Không chấp nhận yêu cầu về bồi thường hỗ trợ học nghề.

Căn cứ Khoản 2 Điều 244 BLTTDS: Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu về số tiền trợ cấp thôi việc là 67.200.000 đồng; đình chỉ yêu cầu chốt và trả Sổ BHXH và tiền BHYT là 508.000 đồng, do các yêu cầu này đã được nguyên đơn rút đơn.

3/ Về án phí Lao động sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm trên phần yêu cầu nguyên đơn được chấp nhận.

Nguyên đơn phải chịu án phí về yêu cầu bồi thường hỗ trợ học nghề không được chấp nhận. Tuy nhiên yêu cầu của nguyên đơn thuộc trường hợp được miễn nộp án phí theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên nguyên đơn không phải chịu án phí.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1]. Về pháp luật tố tụng:**

- Về Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký Hợp đồng lao động (viết tắt là HĐLĐ) và đã chấm dứt HĐLĐ theo quy định của pháp luật lao động. Trong quá trình chấm dứt HĐLĐ có phát sinh tranh chấp về Bảo hiểm xã hội (viết tắt là BHXH và các chế độ thôi việc nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết, bị đơn hiện có trụ sở tại quận Bình Thạnh nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B Thạnh theo quy định tại Điểm d Khoản 1

Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành xác minh địa chỉ trụ sở của bị đơn tại Sở kế hoạch Đầu tư TPHCM và được Sở kế hoạch trả lời theo Công văn số 05755/PĐKKD-KT ngày 21/7/2017 về việc cung cấp thông tin doanh nghiệp như sau: “Đến nay Công ty C (Mã số doanh nghiệp: 030.112.7673) chưa đăng ký giải thể, kèm giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có địa chỉ trụ sở chính: X, Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận B Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh, người đại diện theo pháp luật: Ông H (tổng giám đốc); Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: L, Chung cư Central Garden, 225 Bến Chương Dương, phường Cô Giang, Quận 01, TPHCM”.

“Theo kết quả xác minh của Công an phường Cô Giang, Quận 01, TPHCM lập ngày 19/7/2017 như sau: “Đương sự H - SN 1972 có HKTT tại: YY, chung cư 328 (số cũ 225) Võ Văn Kiệt, phường Cô Giang, Quận 01. Hiện đang tạm trú tại 25 Nguyễn Hữu Thọ, Phường Tân Hưng, Quận 7”.

“Theo kết quả xác minh của Công an phường Tân H, Quận 7, TPHCM ngày 16/10/2017 như sau: “Đ/s H, SN 1972 hiện nay đang cư ngụ tại căn hộ L, Chung cư Sunrse City Central, số 25 Nguyễn Hữu Thọ, Khu phố 5, phường Tân H, Quận 7, TPHCM”.

Quá trình tố tụng giải quyết vụ án: Ngày 15/8/2019 Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án xét xử số 286/2019/QĐXXST-LĐ, mở phiên tòa ngày 06/9/2019. Do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông B và người đại diện theo pháp luật của bị đơn là ông H vắng mặt dù đã được tổng đạt trực tiếp và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng, bà H đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (BHXH TPHCM) có đơn xin vắng mặt tại các phiên công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử vụ án. Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh đề nghị hoãn phiên tòa, nên Tòa án Quyết định hoãn phiên tòa số 218/2019/QĐST-LĐ ngày 06/9/2019, mở phiên tòa lại vào ngày 04/10/2019.

Ngày 26/9/2019 ông B có đơn đề nghị hoãn phiên tòa ngày 04/10/2019 để chờ kết quả giải quyết khiếu nại về Quyết định giải quyết khiếu nại số 31/2019/QĐ-TA ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh về việc không chấp nhận yêu cầu thay đổi người tiến hành tố tụng là thẩm phán giải quyết vụ án. Tại phiên tòa ngày 04/10/2020, ông B và ông H đều vắng mặt nên Tòa án đã hoãn phiên tòa, chờ kết quả giải quyết khiếu nại.

Ngày 22/11/2019 Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nhận được Thông báo về việc trả lại đơn khiếu nại số 1113/TB ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc giữ nguyên Quyết định giải quyết khiếu nại số 31/2019/QĐ-TA ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh nên ngày 19/12/2019 Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 616/2019/QĐXXST-LĐ để xét xử lại vụ kiện nêu trên. Phiên tòa được mở lại vào ngày 16/01/2020. Giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được

tổng đạt hợp lệ cho ông B, cho ông H ký nhận trực tiếp và niêm yết cho bị đơn tại trụ sở của bị đơn.

Ngày 13/01/2020 ông B có đơn đề nghị hoãn phiên tòa xử ngày 16/01/2020 với lý do ông B đã được Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý đơn khiếu nại Quyết định giải quyết khiếu nại số 31/2019/QĐ-TA ngày 23/9/2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh.

Tại phiên tòa ngày 16/01/2020 ông B và ông H đều vắng mặt, theo đề nghị của Viện kiểm sát, Tòa án đã ra Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-LĐ ngày 16/01/2020. Phiên tòa được mở lại vào ngày 14/02/2020. Tòa án đã tổng đạt Quyết định hoãn phiên tòa, Thông báo về việc trả lại đơn khiếu nại số 1113/TB ngày 13/11/2019 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cho ông B, cho ông H ký nhận trực tiếp và niêm yết cho bị đơn tại trụ sở của bị đơn.

Tại phiên tòa ngày 14/02/2020, ông B có mặt, ông H vắng mặt, Viện kiểm sát đề nghị tạm ngưng phiên tòa để thu thập tài liệu chứng cứ do có thêm yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn, nguyên đơn đã đi làm ở nơi khác từ tháng 8/2017. Ông B yêu cầu Tòa án tiếp tục xét xử vì yêu cầu bổ sung tại phiên tòa của nguyên đơn là đã có theo đơn khởi kiện ban đầu. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử quyết định kéo dài thời gian tuyên án và sẽ tuyên án vào ngày 20/02/2020.

Tại phiên tòa, ngày 20/02/2020 ông H và ông B vắng mặt, Viện kiểm sát đề nghị tạm ngưng phiên tòa để thu thập thêm tài liệu, chứng cứ nêu trên. Xét thấy cần phải thu thập thêm tài liệu, chứng cứ đối với BHXH TPHCM về yêu cầu bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp, tiền hỗ trợ học nghề của nguyên đơn, Hội đồng xét xử đã tạm ngưng phiên tòa, phiên tòa sẽ được mở lại vào ngày 20/3/2020 và triệu tập người đại diện của BHXH TPHCM tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa ngày 20/3/2020 ông B và ông H vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của BHXH TPHCM vắng mặt và theo đề nghị của Viện Kiểm sát nhân dân quận Bình Thạnh, Hội đồng xét xử tạm ngưng phiên tòa vì dịch bệnh Covid 19. Thời gian và địa điểm mở phiên tòa xét xử vụ kiện này sẽ được Hội đồng xét xử ấn định và thông báo sau:

Sau khi dịch Covid tạm ổn, ngày 01/9/2020 Tòa án đã ra Quyết định xét xử lại số 308/2020/QĐXXST-LĐ, mở phiên tòa ngày 30/9/2020. Tại phiên tòa ông B và bà A (đại diện theo ủy quyền của BHXH TPHCM) có mặt, ông H vắng mặt, Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa do vắng mặt bị đơn. Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa và ấn định lại ngày mở phiên tòa lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/10/2020.

Tại phiên tòa hôm nay, ông B có mặt, bà A có đơn ngày 30/9/2020 xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng, ông H đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt. Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt và niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng ở hai nơi cho bị đơn là tại trụ sở bị đơn số X, Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, quận Bình Thạnh, TPHCM và nơi cư trú của ông H đang sinh sống. Trong các lần Tòa án tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và các lần mở phiên tòa nêu trên,

các văn bản tố tụng của Tòa án được niêm yết tại trụ sở của bị đơn và ông H ký nhận tại nơi cư trú nhưng ông H vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi về yêu cầu khởi kiện, các yêu cầu xin rút và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Do đó, căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định pháp luật.

**[2]. Về pháp luật nội dung:**

**+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả của số tiền trợ cấp thôi việc là 4.130.958 đồng:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm: Bản sao “ HĐLĐ lao động (không xác định thời hạn) số 0125/2003 ngày 04/12/2003 được ký giữa nguyên đơn chức vụ trưởng ban chất lượng với bị đơn); Hợp đồng lao động số 0067/2005 ngày 01/9/2005 giữa nguyên đơn (chức vụ phó phòng) với bị đơn; Các Phụ lục hợp đồng số 02/2011 ngày 01/10/2011, số 03/2013 ngày 19/02/2013; Quyết định số 22/QĐ/Tra/TC-HC về việc chấm dứt HĐLĐ với nguyên đơn (chức vụ Phó tổng giám đốc) kể từ ngày 08/8/2016; Sổ BHXH (số: 029.637.2472) mang tên T và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ kiện. Có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có ký hợp đồng lao động và chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định tại Điều 15, Khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012.

Căn cứ Quyết định số 22/QĐ/Tra/TC-HC ngày 08/8/2016 thì bị đơn phải trả số tiền trợ cấp thôi việc cho nguyên đơn là 67.200.000 đồng nhưng bị đơn đã trả chậm số tiền nêu trên vào hai đợt. Đợt 1 vào ngày 25/01/2017 trả 15.000.000 đồng. Đợt 2 vào ngày 05/4/2017 trả 52.200.000 đồng. Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho nguyên đơn là vi phạm trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt HĐLĐ tại Khoản 2 Điều 47 Bộ luật Lao động 2012 và Khoản 8, Điều 1 Nghị định 148/2018/NĐ-CP (sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định 05/2015/NĐ-CP) hướng dẫn thi hành một số nội dung của Bộ luật Lao động. Đồng thời theo quy định tại Điều 357 về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền và Điều 468 quy định về lãi suất của Bộ luật Dân sự năm 2015. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi chậm trả của số tiền trợ cấp thôi việc theo lãi suất 10% là trong phạm vi mà pháp luật cho phép và theo đề nghị của Viện kiểm sát nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả của tiền trợ cấp thôi việc là 4.130.958 đồng.

**+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 47.040.000 đồng:**

Theo Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ số 272/2018/QĐ-CCTLCC ngày 06/02/2018 và theo công văn trả lời số 482/BHXXH-KTTN ngày 13/3/2018 của BHXH TPHCM có nội dung như sau:

“...Ngày 05/02/2018 bị đơn có Công văn số 01/CV/Tra/TCHC đề nghị nộp tiền để giải quyết chốt sổ cho 11 lao động, trong đó có người lao động T (Số sổ BHXH 029.6372.472). Quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của bà T từ tháng 11/1996 đến tháng 7/2016 là 19 năm 09 tháng (trong đó thời gian tham gia BHXH, BHYT tại Công ty Công Trình từ tháng 4/1997 đến tháng 7/2016 là 19 năm 09 tháng và BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 7/2016 là 07 năm 07 tháng với số tiền trợ cấp thất nghiệp mà bà T được hưởng là 47.040.000 đồng.



Trường hợp của bà T nghỉ việc từ tháng 7/2016 nhưng đến tháng 02/2018 bị đơn mới nộp tiền trước cho bà T để BHXH TPHCM xác nhận quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN cho bà T đến tháng 7/2016. Như vậy bà T sẽ không được hưởng chế độ BHTN theo quy định tại Điều 46 của Luật việc làm số 38/2013/QH13. Tuy nhiên, nếu người lao động chưa được hưởng BHTN thì được cộng dồn từ khi bắt đầu đóng BHTN cho đến khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động hoặc hợp đồng làm việc theo quy định của pháp luật mà chưa được hưởng trợ cấp thất nghiệp.

Việc người sử dụng lao động chậm thực hiện chốt Sổ và trả Sổ BHXH cho người lao động là vi phạm Khoản 2, Khoản 3 Điều 47 Bộ luật lao động năm 2012 quy định “Trách nhiệm của người sử dụng lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động” và “Hành vi không trả sổ cho người lao động có thể bị xử phạt hành chính theo quy định tại Điều 8 Nghị định 95/2013/NĐ-CP về “Vi phạm quy định về sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hợp đồng lao động”. Mức hưởng và thời gian BHTN được quy định tại Điều 50 Luật việc làm. Mức hỗ trợ học nghề đối với người lao động tham gia BHTN được quy định tại Quyết định 77/2014/QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng Chính Phủ”.

Theo Quyết định cung cấp tài liệu chứng cứ số 254/2020/QĐ-CCTLCC ngày 20/2/2020 của Tòa án đối với BHXH TPHCM và theo công văn trả lời số 516/BHXH-QLT ngày 18/3/2020 của BHXH TPHCM có nội dung như sau:

“.... Căn cứ Điều 50, Điều 53 Luật việc làm năm 2013 thì mức hưởng trợ cấp thất nghiệp hàng tháng bằng 60% mức lươngB quân của 06 tháng liền kề có đóng BHTN nhưng tối đa không quá 5 lần mức lương cơ sở. Thời gian tính hưởng BHTN được tính theo số tháng đóng BHTN, cứ đóng đủ 12 tháng đến 36 tháng thì được hưởng 3 tháng trợ cấp thất nghiệp, sau đó cứ đóng đủ thêm 12 tháng thì hưởng thêm 1 tháng trợ cấp thất nghiệp; người lao động bị chấm dứt hưởng trợ cấp thất nghiệp khi hết thời hạn hưởng trợ cấp thì được bảo lưu số tháng lẻ còn lại. Đối chiếu quy định trên thì bà T được hưởng trợ cấp thất nghiệp là  $(11.200.000 \text{ đồng} \times 60\%) \times 07 \text{ tháng} = 47.040.000 \text{ đồng}$  và số tháng còn được bảo lưu là 07 tháng”.

Căn cứ kết quả trả lời như trên của BHXH TPHCM có cơ sở xác định: Bà T (Số sổ BHXH 029.637.472). Quá trình tham gia BHXH, BHYT, BHTN của bà T từ tháng 11/1996 đến tháng 7/2016 là 19 năm 09 tháng (trong đó thời gian tham gia BHXH, BHYT từ tháng 4/1997 đến tháng 7/2016 là 19 năm 09 tháng và BHTN từ tháng 01/2009 đến tháng 7/2016 là 07 năm 07 tháng. Số tiền bà T được hưởng trợ cấp thất nghiệp là 47.040.000 đồng.

Căn cứ Điều 13 Bộ luật Dân sự 2015 quy định về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: “Cá nhân, pháp nhân có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại; trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 584 Bộ luật dân sự 2015 qui định về căn cứ phát sinh trách nhiệm bồi thường thiệt hại: “ Người nào có hành vi xâm phạm, uy tín, tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp của người khác mà gây thiệt hại thì phải bồi thường, trừ trường hợp Bộ luật này, luật khác có liên quan quy định khác.

Xét thấy bị đơn đã có lỗi trong việc chậm chốt sổ và trả sổ BHXH cho nguyên đơn khi giữa nguyên đơn và bị đơn đã chấm dứt HĐLĐ theo Quyết định số 22 nêu trên, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi hợp pháp của nguyên đơn dẫn đến việc nguyên đơn không thể hoàn tất thủ tục được hưởng trợ cấp thất nghiệp theo quy định tại Điều 46 Luật

việc làm 2013 và theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải bồi thường tiền trợ cấp thất nghiệp là 47.040.000 đồng.

**+ Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu bị đơn bồi thường tiền hỗ trợ học nghề là 6.000.000 đồng:**

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ mà nguyên đơn cung cấp và tại phiên tòa ông B đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xác định: Trong thời gian thất nghiệp nguyên đơn không có học thêm nghề gì trên thực tế. Như vậy nguyên đơn không có thời gian học nghề thực tế để được hưởng tiền hỗ trợ học nghề (tối đa không quá 06 tháng) như quy định Điều 56, Điều 57 Luật Việc làm năm 2013 và theo Điều 3 của Quyết định số 77/2014-QĐ-TTg ngày 24/12/2014 của Thủ tướng chính phủ (mức hỗ trợ học nghề tham gia BHTN tối đa không quá 06 tháng) và theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử không nhận yêu cầu bồi thường tiền hỗ trợ học nghề 6.000.000 đồng của nguyên đơn.

**+ Xét các yêu cầu xin rút của nguyên đơn về số tiền trợ cấp thôi việc là 67.200.000 đồng; Chốt và trả sổ BHXH; bồi thường tiền BHYT là 508.000 đồng và theo đề nghị của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử đình chỉ theo quy định của pháp luật tại Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.**

**[3]. Án phí dân sự sơ thẩm về lao động:**

Bị đơn phải chịu án phí về yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận là  $51.170.958 \text{ đồng} \times 3\% = 1.535.129 \text{ đồng}$ .

Nguyên đơn sẽ chịu án phí về yêu cầu bồi thường tiền hỗ trợ học nghề không được chấp nhận trên 6.000.000 đồng là 300.000 đồng. Tuy nhiên do yêu cầu của nguyên đơn phát sinh từ tranh chấp BHXH thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại Điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 nên nguyên đơn không phải chịu án phí về yêu cầu này

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điểm d Khoản 1 Điều 32, Điểm c Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 37 Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1, Khoản 2 Điều 143, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 244, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 13, Điều Điều 357, Điều 468 Khoản 1 Điều 584 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 15, Khoản 3 Điều 36, Khoản 2, 3 Điều 47 Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 50, Điều 56, Điều 57 Luật việc làm số 38/2013/QH13 ngày 16/11/2013 của Quốc Hội;

Căn cứ Khoản 2 Điều 17, Khoản 5 Điều 21 Luật số 58/2014/QH 13 ngày 20/11/2014 về Bảo hiểm Xã Hội;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà T.

Buộc Công ty C (Mã số doanh nghiệp: 030.112.7673) có nghĩa vụ thanh toán cho bà T tổng số tiền là 51.170.958 đồng (năm mươi một triệu một trăm bảy mươi nghìn chín trăm năm mươi tám đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp lực.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà T yêu cầu Công ty C bồi thường số tiền hỗ trợ học nghề 6.000.000 đồng (sáu triệu đồng).

3. Đình chỉ các yêu cầu của bà T về số tiền trợ cấp thôi việc là 67.200.000 đồng (Sáu mươi bảy triệu hai trăm nghìn đồng); Chốt và trả sổ BHXH; Bồi thường số tiền Bảo hiểm y tế là 508.000 đồng (năm trăm lẻ tám nghìn đồng).

4. Án phí dân sự sơ thẩm về Lao động: Công ty C phải chịu là 1.535.129 đồng (một triệu năm trăm ba mươi lăm nghìn một trăm hai mươi chín đồng).

Bà T được miễn tiền tạm ứng án phí và án phí về theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án theo quy định của pháp luật.

Các quyền và nghĩa vụ thi hành án dân sự của các đương sự được thực hiện tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TANDTP.HCM;
- VKSND quận Bình Thạnh;
- CCTHADS quận B Thạnh;
- Các đương sự;
- Lưu văn thư, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Thái Thị Mỹ Hạnh**